

BẢN TIN SỐ VỀ PHÁP LUẬT



THÁNG 12/2022

MỤC LỤC

3

Góc trao đổi

- Một số vấn đề cần bàn luận về Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Một số vấn đề về Dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi).

3

Văn bản có hiệu lực trong tháng 12/2022

11

Văn bản mới ban hành trong tháng 12/2022

20

Bản án nổi bật của Tòa án nhân dân cấp cao (9/11-23/12/2022)



PGS. TS. NGUYỄN THỊ LAN



TS. NGUYỄN NGỌC QUYÊN

1. Góc trao đổi

1.1. Một số vấn đề cần bàn luận về Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 -

PGS. TS. Nguyễn Thị Lan, Phó trưởng Khoa Pháp luật dân sự

Xem Video trực tiếp tại:

https://www.youtube.com/watch?v=xvtIp2sRH_0

1.2. Một số vấn đề về Dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) - TS. Nguyễn Ngọc Quyên, Phó trưởng Bộ môn Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Xem Video trực tiếp tại:

<https://www.youtube.com/watch?v=EtzINQOJ2xs>

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 12/2022

(Nguồn: vnexpress.net; baochinhphu.vn)



2.1. Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Ngày 26/10/2022, Chính phủ ban hành **Nghị định số 88/2022/NĐ-CP** về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Theo đó, phạt tiền từ 3.000.000 triệu đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án; Không tổ chức giảng dạy đúng cấu trúc thời gian đào tạo lý thuyết, thời gian đào tạo thực hành của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Đối với hành vi tổ chức cho người học bảo vệ khóa luận tốt nghiệp không đủ điều kiện theo quy định bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Bên cạnh đó, phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài. Ngoài ra, hành vi xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện tốt nghiệp bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.



Đáng chú ý, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác hoặc cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình; Sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội

dung. Đối với hành vi bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học bị phạt tiền như sau: Khi vượt quá quy mô lớp học từ 30 - 50% bị phạt từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; Khi vượt quá quy mô lớp học từ 50% trở lên bị phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Nghị định có hiệu lực từ ngày 12/12/2022.

2.2. Bộ Quy tắc đạo đức, nghề nghiệp dành cho Thừa phát lại

Thừa phát lại là người được Nhà nước bổ nhiệm, trao quyền tổng đạt, lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự, tổ chức thi hành án dân sự. Với tính chất nghề nghiệp như vậy, thừa phát lại cũng cần phải tự ràng buộc mình bởi các quy tắc đạo đức.

Chính vì vậy, Bộ Tư pháp đã ban hành [Thông tư số 08/2022/TT-BTP](#) ngày 01/11/2022 quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thừa phát lại với chuẩn mực đạo đức, hành vi ứng xử trong quá trình hành nghề này.

Theo đó, thừa phát lại bị cấm thực hiện một số hành vi với người yêu cầu như:

- Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho người yêu cầu.
- Nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ người yêu cầu ngoài chi phí đã được ghi nhận trong hợp đồng.
- Nhận tiền hoặc bất kỳ lợi ích nào khác từ người thứ ba để thực hiện hoặc không thực hiện yêu cầu.

- Lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự, tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án có liên quan đến quyền, lợi ích của chính mình với người yêu cầu, những người thân thích của mình, bao gồm: Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Thừa phát lại, của vợ hoặc chồng của Thừa phát lại; cháu ruột mà Thừa phát lại là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì.

- Gây áp lực, ép buộc, lừa dối, đe dọa, chiết khấu hoặc đưa ra hứa hẹn nhằm lôi kéo người yêu cầu phải sử dụng dịch vụ... Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 22/12/2022.

2.3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ điện thoại thông minh

[Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT](#) ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 có hiệu lực từ ngày 12/12/2022.

Trong đó quy định đối tượng được hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều kiện được hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh:

- + Hộ gia đình chưa được hỗ trợ máy tính bảng từ Chương trình hoặc thiết bị học tập trực tuyến (máy tính bảng, máy tính

để bàn, máy tính xách tay) thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” (tính đến thời điểm Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ số lượng điện thoại thông minh cho các địa phương).

+ Hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhận hỗ trợ.



Chương trình hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh thông qua doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho hộ gia đình theo 1 trong 2 hình thức sau:

1- Hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh kết hợp với hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất cho hộ gia đình (gói dịch vụ hỗ trợ kết hợp).

2- Hỗ trợ bằng tiền (500.000 đồng/hộ) (nếu hộ gia đình thuộc danh sách được hỗ trợ đã tự mua điện thoại thông minh kể từ ngày 12/12/2022).

2.4. Quy định kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm với cơ sở sản xuất mật ong xuất khẩu

Thông tư số 15/2022/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y (VSTY) và an toàn thực

phẩm (ATTP) đối với mật ong có hiệu lực từ ngày 10/12/2022.



Theo đó, việc kiểm tra, giám sát VSTY và ATTP đối với cơ sở sản xuất mật ong xuất khẩu được quy định đơn cử như sau:

- Cơ sở nuôi ong, thu mua mật ong: giám sát việc thực hiện nội dung đã cam kết theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT và theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Cơ sở chế biến mật ong:

+ Việc kiểm tra thông qua hoạt động kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận (GCN) điều kiện VSTY;

+ Việc giám sát điều kiện VSTY thực hiện theo quy định tại Điều 38 Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT);

+ Việc kiểm tra, giám sát VSTY và ATTP đối với cơ sở đã được cấp các loại GCN có giá trị tương đương GCNVSTY thực hiện theo yêu cầu của bên nhập khẩu hoặc tổ chức, cá nhân xuất khẩu;

GCN có giá trị tương đương GCNVSTY gồm các loại GCN theo quy định tại

khoản 3 Điều 36 Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT).

2.5. Chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa

Ngày 9/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành [Quyết định số 21/2022/QĐ-TTg](#) về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa.

Theo đó, Bộ Giao thông Vận tải ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đường thủy nội địa theo kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát và quy hoạch các bến khách ngang sông tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để đảm bảo việc đầu tư mới các bến khách phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 12 Luật Đầu tư công 2020 trong trường hợp sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư; ưu tiên bố trí đất xây dựng cảng thủy nội địa khai thác hàng container ở phía Bắc và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu hướng dẫn các địa phương có quy định cụ thể các điều kiện để đầu tư, xây dựng các kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ở ngoài đê

được hoạt động hiệu quả trong mùa mưa lũ. Quyết định có hiệu lực từ ngày 25/12/2022.

2.6. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh

Bộ Tài chính vừa ban hành [Thông tư số 67/2022/TT-BTC](#) ngày 07/11/2022 hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Thông tư có hiệu lực từ ngày 23/12/2022 và áp dụng áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022.



Những điểm mới tại Thông tư sẽ tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế khi trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Một trong những nội dung nổi bật của Thông tư là tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Quốc hội

theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

Theo quy định thì Quỹ khoa học và công nghệ chỉ được sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid -19, tại điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư đã hướng dẫn cụ thể doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trong 02 năm (năm 2022 và năm 2023) để mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Đáng lưu ý, Thông tư bổ sung hướng dẫn quản lý tài sản cố định dùng đồng thời cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cụ thể, khoản 4 Điều 5 Thông tư hướng dẫn khi tài sản cố định hình thành từ nguồn Quỹ dùng đồng thời cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ thì doanh nghiệp chỉ việc tiếp tục theo dõi quản lý theo quy định và không phải tính khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nội dung này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong trường hợp tài sản cố định hình thành từ nguồn Quỹ nhưng không sử dụng hết công suất, khi doanh nghiệp dùng tài sản này đồng thời cho sản xuất

kinh doanh, nhằm tránh lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp thì doanh nghiệp chỉ cần theo dõi tài sản cố định này, không tính khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tư hướng dẫn rõ hơn việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với trường hợp trích lập Quỹ trong thời gian doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có nhận điều chuyển Quỹ khoa học và công nghệ từ doanh nghiệp khác.

Tại điểm b khoản 4 Điều 4 Thông tư hướng dẫn trường hợp doanh nghiệp có trích Quỹ trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, có nhận điều chuyển Quỹ từ doanh nghiệp khác (doanh nghiệp điều chuyển), nếu doanh nghiệp sử dụng không đúng mục đích hoặc không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% đối với số Quỹ đã trích và nhận điều chuyển, thì số thuế thu nhập doanh nghiệp thu hồi được xác định đối với từng trường hợp cụ thể: trường hợp doanh nghiệp trích Quỹ được hưởng ưu đãi và doanh nghiệp điều chuyển cũng được hưởng ưu đãi; trường hợp doanh nghiệp trích Quỹ được hưởng ưu đãi và doanh nghiệp điều chuyển không được hưởng ưu đãi. Việc xác định số tiền nhận điều chuyển sử dụng không đúng mục đích, chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% được phân bổ theo tỷ lệ giữa số tiền nhận điều

chuyển với số Quỹ trong kỳ tính thuế (bao gồm cả số trích Quỹ và số tiền nhận điều chuyển).

Nội dung này giúp cho doanh nghiệp dễ dàng trong việc xác định nghĩa vụ thuế đối với phần Quỹ không sử dụng hết trong từng trường hợp cụ thể khi doanh nghiệp trích Quỹ trong thời gian đang được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có nhận điều chuyển Quỹ từ doanh nghiệp khác.

Ngoài ra, Thông tư cũng làm rõ hơn một số nội dung, đảm bảo việc hiểu chính sách được thống nhất. Thí dụ như khoản trích Quỹ được thực hiện hằng năm và sau 05 năm kể từ khi trích Quỹ mới xác định khoản Quỹ trích trước đó 05 năm đã được sử dụng hết chưa. Nếu chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết 70% số Quỹ đã trích mới xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số tiền Quỹ chưa sử dụng này.

Đối với các quy định về nội dung chi, hướng dẫn sử dụng Quỹ và nộp Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Bộ chủ quản, tỉnh, thành phố thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ và quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và công nghệ).

2.7. Quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không

Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không. Có hiệu lực từ ngày 22/12/2022.



Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức liên quan công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu đường hàng không được lắp đặt trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật để phục vụ yêu cầu công tác và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Cán bộ chiến sĩ Công an cửa khẩu thực hiện nhiệm vụ tại khu vực cửa khẩu và khu vực cách ly xuất nhập cảnh phải đeo số hiệu Công an cửa khẩu theo quy định của Bộ Công an.

Công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực cách ly xuất nhập cảnh, nhân viên của doanh nghiệp

thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị tại cảng hàng không, sân bay vào, ra khu vực cách ly xuất nhập cảnh phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc thẻ giám sát viên an ninh, an toàn hàng không do cơ quan, doanh nghiệp hàng không cấp theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam hoặc sổ hiệu Công an cửa khẩu, có nhiệm vụ tại khu vực cách ly xuất nhập cảnh. Lực lượng Công an cửa khẩu có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, kiểm soát để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự của những người vào, ra, hoạt động tại khu vực cách ly xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được vào, ra khu vực cách ly xuất nhập cảnh phù hợp hành trình xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Khi phát hiện vụ việc vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường hàng không, vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan chuyên ngành nào, cơ quan đó chủ trì xử lý. Trường hợp nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền xử lý, cơ quan phát hiện vụ việc đầu tiên chủ trì xử lý. Trường hợp vụ việc chưa xác định rõ cơ quan có thẩm quyền, Công an cửa khẩu chủ trì, tiếp nhận xử lý ban đầu các hành vi vi phạm pháp luật, bàn giao cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Khi phát hiện thông tin liên quan hành vi vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường

hàng không, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các cơ quan được giao xử lý vụ việc vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường hàng không có trách nhiệm thông báo việc xử lý vụ việc cho Công an cửa khẩu và các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp liên quan để phối hợp xử lý vụ việc và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Trường hợp việc xử lý vụ việc thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc trao đổi thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp cần áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt tại cửa khẩu đường hàng không theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an chủ trì, điều chỉnh luồng di chuyển hành khách phù hợp yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự; bố trí lực lượng tuần tra, thiết lập chốt kiểm tra an ninh tại các vị trí cần thiết, giám sát toàn bộ khu vực cửa khẩu đường hàng không, đặt biển cấm, biển hạn chế hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

2.8. Quy định về kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Thông tư số 46/2022/TT-BCA ngày 04/11/2022 của Bộ Công an quy định về kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin

giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác. Thông tư có hiệu lực từ ngày 19/12/2022.



Theo đó, nguyên tắc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm các quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật hiện hành. Không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp pháp luật khác có quy định.

Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được kết nối, chia

sẽ, khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải bảo đảm điều kiện hạ tầng hệ thống thông tin, mô hình kết nối, cấu trúc dữ liệu, an ninh, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định.

Thông tư quy định, các thông tin được chia sẻ cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như sau: Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử dùng chung, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu về y tế và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác chia sẻ thông tin về công dân cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật bảo đảm thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Các thông tin chuyên ngành gắn với công dân (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư) khi được các cơ quan, tổ chức chia sẻ cho Bộ Công an thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an là đầu mối tiếp nhận để khai thác, sử dụng phục vụ cho công tác quản lý dân cư và đáp ứng yêu cầu công tác nghiệp vụ khác của Công an các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Phương thức kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác như sau: Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng Dịch vụ công quốc

gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, Hệ thống thông tin khác được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, trực liên thông văn bản quốc gia, các nền tảng kết nối, tích hợp khác theo quy định của pháp luật. Phương thức kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng.

2.9. Văn phòng nước ngoài được thuê nhà theo chính sách ưu đãi đặc biệt

Nghị định số 90/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nhà, đất do Bộ Ngoại giao quản lý để phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước có hiệu lực từ ngày 15/12/2022.

Trong đó, về việc quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại để cho thuê, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định cho tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài được thuê nhà, đất theo chính sách ưu đãi đặc biệt của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể; xem xét, quyết định giá cho thuê nhà đảm bảo theo giá thị trường, phù hợp với quan hệ đối ngoại, đảm bảo lợi ích của Nhà nước theo nguyên tắc "có đi có lại" đối với từng trường hợp cụ thể.

Đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại được miễn tiền thuê đất đối với diện tích nhà, đất phục vụ đối ngoại cho các tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài thuê. Việc miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Văn bản pháp luật ban hành trong tháng 12/2022

3.1. Quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam vừa ký **Nghị định số 103/2022/NĐ-CP** ngày 12/12/2022 quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2023, thay thế Nghị định số 125/2011/NĐ-CP ngày 30/12/2011 của Chính phủ quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân.



Theo đó, Nghị định quy định về vị trí pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo, người học, quản lý đối với trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là trường đào tạo, bồi dưỡng).

Áp dụng đối với trường, học viện và trung tâm có chức năng đào tạo, bồi

dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức và cá nhân có liên quan. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giao nhiệm vụ bồi dưỡng thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nghị định cũng quy định trường đào tạo, bồi dưỡng là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức, hoạt động theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Trường của cơ quan nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước.

- Trường của tổ chức chính trị là cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Trường của tổ chức chính trị - xã hội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.

- Trường của lực lượng vũ trang nhân dân là đơn vị trực thuộc các cấp quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nằm trong tổ chức, biên chế của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam.

Bên cạnh đó, trường đào tạo, bồi dưỡng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản và các nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi chức năng được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của trường đào tạo, bồi dưỡng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường do cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt, ban hành.

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định quy định rõ trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Trường đào tạo, bồi dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân quốc phòng; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý về nhiệm vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh. Về đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục ở cấp học khác, Nghị định quy định rõ trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động đào tạo các trình độ của giáo dục đại học thì thực hiện hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học

theo quy định như đối với cơ sở giáo dục đại học và quy định tại Nghị định này.

Trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì thực hiện hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định như đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và quy định tại Nghị định này.

Trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục ở mỗi cấp học thì thực hiện hoạt động giáo dục và bảo đảm chất lượng theo quy định như đối với các cơ sở giáo dục của cấp học đó và quy định tại Nghị định này.

Việc đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phải phục vụ nhu cầu phát triển nhân lực của ngành, lĩnh vực phù hợp chủ trương của Đảng, khả năng đầu tư của Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của xã hội. Ngoài ra, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra hoạt động giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp của các trường đào tạo, bồi dưỡng có tổ chức đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân quốc phòng; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản

lý nhà nước về nhiệm vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh.

3.2. Hành vi cấm trong đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, phục vụ quốc phòng, an ninh

Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 101/2022/NĐ-CP](#) ngày 08/12/2022 quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Theo đó, các hành vi cấm trong đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm:



Lợi dụng hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh để xâm hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ

thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh khi:

- a) Không được cấp có thẩm quyền đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu;
- b) Sản xuất quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật quá số lượng quy định trong hợp đồng, đơn đặt hàng, văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền;
- c) Không đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động.

Vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về bảo mật thông tin dưới mọi hình thức, gồm:

- a) Thông tin trong hợp đồng, đơn đặt hàng, văn bản giao nhiệm vụ, hồ sơ đấu thầu và các văn bản liên quan trong đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh;
- b) Thông tin liên quan đến tính năng kỹ thuật, chiến thuật, tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng, kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Chuyển giao sản phẩm hoàn chỉnh, sản phẩm chưa hoàn chỉnh, sản phẩm mẫu, sản phẩm chế thử, sản phẩm bị lỗi, hư hỏng, kém chất lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh quân trang, quân dụng, nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật, đề án và kết quả nghiên cứu, phát triển chuyển giao công nghệ chuyên dùng để chế tạo, sản xuất vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh cho bên thứ ba khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Cung cấp các văn bản không đúng với thực tế nhằm đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Cản trở hoặc không chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở, gây phiền hà, xâm phạm quyền tự do đầu tư kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp; bao che các hành vi vi phạm pháp luật của người có liên quan đến đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định cụ thể các nguyên tắc đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm:

Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Quản lý chặt chẽ, bảo đảm bí mật, an toàn. Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, chế tạo, sửa chữa, lắp ráp, phát triển quân trang, quân dụng, vũ khí, trang bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ được thực hiện hoạt động nghiên cứu, sản xuất, chế tạo, sửa chữa, lắp ráp, phát triển khi được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này giao nhiệm vụ, đặt hàng.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về những ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh vừa ký [Nghị định số 102/2022/NĐ-CP](#) ngày 12/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và

cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước) là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (tiền tệ và ngân hàng); thực hiện chức năng của Ngân hàng Trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

Trong đó, trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Ngân hàng Nhà nước đã được phê duyệt và các nghị quyết, dự án, đề án theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng năm và dài hạn; chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc lĩnh vực Ngân hàng Nhà nước quản lý.

Xây dựng chỉ tiêu lạm phát hàng năm để trình Chính phủ; sử dụng các công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bao gồm: Tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Quyết định áp dụng biện pháp xử lý đặc biệt đối với tổ chức tín dụng vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, gặp khó khăn về tài chính, có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống ngân hàng, gồm: mua cổ phần của tổ chức tín dụng; đình chỉ, tạm đình chỉ, miễn nhiệm chức vụ người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; quyết định sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tín dụng; đặt tổ chức tín dụng vào

tình trạng kiểm soát đặc biệt; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật về phá sản đối với tổ chức tín dụng.

Kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng, hoạt động phòng, chống rửa tiền; kiểm soát tín dụng; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, ngoại hối và phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.

Quản lý hoạt động ngoại hối trong các giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và các giao dịch khác liên quan đến ngoại hối; hoạt động ngoại hối khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước theo quy định của pháp luật; mua bán ngoại hối trên thị trường trong nước vì mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia; mua, bán ngoại hối với ngân sách nhà nước, các tổ chức quốc tế và các nguồn khác; mua, bán ngoại hối trên thị trường quốc tế và thực hiện giao dịch ngoại hối khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ Việt Nam tại Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB), Ngân hàng Hợp tác Kinh

tế Quốc tế (IBEC), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) và các tổ chức tiền tệ, ngân hàng quốc tế khác.

Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước có 25 đơn vị:

1- Vụ Chính sách tiền tệ; 2- Vụ Quản lý ngoại hối; 3- Vụ Thanh toán; 4- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế; 5- Vụ Dự báo, thống kê; 6- Vụ Hợp tác quốc tế; 7- Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính; 8- Vụ Kiểm toán nội bộ; 9- Vụ Pháp chế; 10. Vụ Tài chính - Kế toán; 11- Vụ Tổ chức cán bộ; 12- Vụ Truyền thông; 13- Văn phòng; 14- Cục Công nghệ thông tin; 15- Cục Phát hành và kho quỹ; 16- Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước; 17- Cục Quản trị; 18- Sở Giao dịch; 19- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; 20- Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 21- Viện Chiến lược ngân hàng; 22- Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam; 23- Thời báo Ngân hàng; 24- Tạp chí Ngân hàng; 25- Học viện Ngân hàng.

Các đơn vị quy định từ (1) đến (20) nêu trên là đơn vị hành chính giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương; các đơn vị quy định từ (21) đến (25) nêu trên là đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Chính sách tiền tệ có 6 phòng. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Tổ chức

cán bộ, Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Hợp tác quốc tế có 5 phòng. Vụ Quản lý ngoại hối, Vụ Thanh toán, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Dự báo, thống kê có 4 phòng. Vụ Pháp chế có 3 phòng.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Quản lý ngoại hối, Sở Giao dịch tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo các quy định hiện hành cho đến khi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, Vụ Quản lý ngoại hối và Sở giao dịch.

Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng được hoàn thành các nhiệm vụ đang thực hiện cho đến khi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện xong việc sắp xếp tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2023, thay thế Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.4. Siết chặt quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

Ngày 02/12/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành [Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT](#) về Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.



Đây là thông tư kế thừa và thay thế cho Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bổ sung các loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân và thay đổi thông tin liên quan.

Theo đó, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, gồm:

+ Thuốc sử dụng trong nông nghiệp: Thuốc trừ sâu: 689 hoạt chất với 1670 tên thương phẩm; Thuốc trừ bệnh: 651 hoạt chất với 1492 tên thương phẩm; Thuốc trừ cỏ: 256 hoạt chất với 765 tên thương phẩm; Thuốc trừ chuột: 8 hoạt chất với 37 tên thương phẩm; Thuốc điều hoà sinh trưởng: 58 hoạt chất với 172 tên thương phẩm; Chất dẫn dụ côn trùng: 8

hoạt chất với 8 tên thương phẩm; Thuốc trừ ốc: 31 hoạt chất với 152 tên thương phẩm; Chất hỗ trợ (chất trái): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.

+ Thuốc trừ mối: 14 hoạt chất với 21 tên thương phẩm.

+ Thuốc bảo quản lâm sản: 7 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.

+ Thuốc khử trùng kho: 3 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.

+ Thuốc sử dụng cho sân golf: Thuốc trừ bệnh: 2 hoạt chất với 2 tên thương phẩm; Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm; Thuốc điều hoà sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

+ Thuốc xử lý hạt giống: Thuốc trừ sâu: 10 hoạt chất với 16 tên thương phẩm; Thuốc trừ bệnh: 13 hoạt chất với 13 tên thương phẩm.

+ Thuốc bảo quản nông sản sau thu hoạch: 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

Ngoài ra, Thông tư này quy định Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam gồm:

+ Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.

+ Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất.

+ Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất.

+ Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất

Thông tư trên được ban hành nhằm đảm bảo tính phù hợp, thống nhất, đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực quản lý thuốc

BVTV; bổ sung cập nhật thông tin về các thuốc BVTV mới, các thuốc BVTV sinh học phục vụ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo thuận tiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc BVTV đúng theo quy định của pháp luật. Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam được quy định tại Điều 1, Phụ lục I kèm theo Thông tư. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2023.

3.5. Quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ tại Hà Nội

Ngày 13/12/2022, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan, đơn vị.

Quyết định này quy định về việc kê khai, giải trình, kiểm soát và xử lý vi phạm về tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại thành phố Hà Nội. Theo đó:

Trường hợp kê khai tài sản, thu nhập lần đầu áp dụng với người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Việc kê khai hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

Trường hợp kê khai hằng năm được thực hiện đối với: Người giữ chức Giám đốc sở và tương đương trở lên; Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP. Việc kê khai hằng năm hoàn thành trước ngày 31/12.

Trường hợp kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên, trừ trường hợp thực hiện kê khai thu nhập hàng năm.

Việc kê khai bổ sung phải hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.

Trường hợp kê khai phục vụ công tác cán bộ thực hiện với:

Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng, khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ khác.

Người ứng cử trở thành đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; thời điểm kê khai thực hiện theo quy định về bầu cử.

4. Bản án xét xử phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao (từ 09/11/2022-23/12/2022)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

4.1. Lĩnh vực Hành chính: 38 bản án

Bản án: số 938/2022/HCPT ngày 07/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Cẩm S. 2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH01800 ngày 23 tháng 12 năm 2010 đối với thửa đất số 281 tờ bản đồ số 36 diện tích 1.141,3m² do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Cẩm S.

Bản án: số 949 ngày 14/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Ông Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Minh H khiếu nại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1.

Bản án: số 945 ngày 13/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bà Hồ Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Bản án: số 933/2022/HCPT ngày 30/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị X. Giữ nguyên bản án hành chính số 23/2022/HC-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc yêu cầu hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 117571, số vào sổ cấp GCN: CH 05577 đối với

thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2552,8m² do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 23/3/2018; Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân đối với bà Lê Thị X; Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị X.

Bản án: số 915/2022/HC-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tâm B; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 321/2022/HC-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 929/2022/HC-PT ngày 29/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm.

Bản án: số 245/2022/HC-PT ngày 14/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của ông Hoàng Đức N1, bà Hoàng Thị Châu L4, bà Hoàng Thị L5 và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án: số 258/2022/HC-PT ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của ông Trịnh Xuân L và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án: số 252/2022/HC-PT ngày 16/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S và giữ y Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm

Bản án: số 256/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Võ T là bà Võ Thị L; giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án: số 257/2022/HC-PT ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án: số 255/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của bà Trương Thị Tuyết M, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2022/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án: số 249/2022/HC-PT ngày 15/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Hồ Đắc K và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm.

Bản án: số 908/2022/HC-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2022/HC-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bản án: số 937/2022/HC-PT ngày 30/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên án sơ thẩm.

Bản án: số 936/2022/HC-PT ngày 30/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 896/2022/HCPT ngày 15/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên án sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Hoàng D (lần 2); Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Hoàng D (lần 1); Quyết định số 6305/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Võ Hoàng D để thực hiện dự án Khu công nghiệp TL và Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND huyện C, Kiên Giang về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung (phần bồi thường bổ sung về đất đai).

Bản án: số 267/2022/HC-PT ngày 28/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của các ông Đỗ Đình K, Cao Chí T, Võ Hoàng A và bà Võ Thị D, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án: số 260/2022/HC-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quang T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang B, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Tuyết S; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2022/HC-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án: số 889 ngày 11/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông Phan Thanh D khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 8986/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển HT – P tại thị trấn A, xã HT, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

Bản án: số 890/2022/HC-PT ngày 14/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lữ Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 27-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bản án: số 264/2022/HC-PT ngày 23/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Xuân T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 262/2022/HC-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T1; sửa án sơ thẩm

Bản án: số 253/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: 1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bảo U, bà Trương Thị Tuyết T. 2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 263/2022/HC-PT ngày 23/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của những người đại diện ủy quyền của ông Y T Knul và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm

Bản án: số 923 ngày 28/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Nguyễn Thị Bé B khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4543/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư của UBND huyện C và Công văn số 1302/UBND-TTr ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C và yêu cầu UBND huyện C xét cho mua một suất tái định cư.

Bản án: số 884 ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ nhà ở, công trình, vật kiến trúc kiên cố khác

Thông tin về vụ án: ông Hồ Doãn C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Bản án: số 904 ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu: + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01593 QSDSS/eK ngày 20/11/1998 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Trung H. + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02207eK, diện tích 8.651m², thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H; + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02206eK, diện tích 9.988m², thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H; + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05026, diện tích 8.651m², thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T; + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05027, diện tích 9.988m², thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T; + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06116, diện tích 7921.6m², thửa số 29, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr; + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06117, diện tích 9.988m², thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Bản án: số 900/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: sửa án sơ thẩm về cách tuyên

Bản án: số 912 ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Ông Nguyễn Th khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 701301 ngày 02/02/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Trịnh Kim Th2 chỉnh lý trang 04 cho ông Nguyễn Ngọc Th1 ngày 08/11/2018.

Bản án: số 914 ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: Công ty X khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 01/10/2021 và Quyết định sửa đổi một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 03/QĐ-SĐQĐXP ngày 17/5/2022 của Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu.

Bản án: số 895 ngày 15/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông Huỳnh Thanh Nh khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh Nh (lần 2); Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh Nh (lần 1); Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND huyện Ch, Kiên Giang về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung (phần bồi thường bổ sung về đất đai) cho hộ ông Huỳnh Thanh Nh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Th1.

Bản án: số 903 ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông Huỳnh Thạch Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thạch Ngọc T (lần 2); Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thạch Ngọc T (lần 1); Quyết định số 6317/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Thạch Ngọc T để thực hiện dự án khu công nghiệp TL và Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND huyện Ch, Kiên Giang về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung (phần bồi thường bổ sung về đất đai) cho hộ ông Huỳnh Thạch Ngọc T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp TL.

Bản án: số 544/2022/HC- PT ngày 09/11/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Đối tượng khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: Anh Bùi Huy Q khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Bản án: số 888/2022/HC-PT ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 887/2022/HC-PT ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 901/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 507 ngày 22/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

4.2. Lĩnh vực Dân sự: 24 bản án

Bản án: số 792/2022/DSPT ngày 07/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc D và chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Trần Quốc D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Quốc D phải bồi hoàn cho bà Phạm Kim H (Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hữu S, bà Phạm T (Phạm Ngọc T), bà Phạm Lê Kim C, bà Phạm Thị L, bà Phạm Lê Ngọc D, chị Nguyễn Ngọc Đan T, chị Nguyễn Ngọc Phương T) số tiền 184.189.420 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi đồng). Ông Trần Quốc D được quyền sử dụng phần đất tại tách thửa 103 diện tích 24,2m² loại đất BHK; tách thửa 102 diện tích 55,3m² loại đất BHK; tách thửa 101 diện tích 50,7m² loại đất BHK và tách thửa 101, diện tích 78,3m² loại đất BHK.

Bản án: số 801 ngày 15/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chùa H khởi kiện yêu cầu: Hủy giấy CNQSD đất thửa số 107 và số 121 tại địa chỉ ấp G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã cấp (chính lý) cho ông Phạm Thế B; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của Chùa H.

Bản án: số 755/2022/DS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Y án sơ thẩm

Bản án: số 782/2022/DS-PT ngày 25/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Y án sơ thẩm

Bản án: số 773/2022/DS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân tỉnh Ninh Thuận

Bản án: số 359 ngày 29/11/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Bản án: số 772/2022/DS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 1297/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án: số 240/2022/DS-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: chấp nhận kháng cáo của ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

Bản án: số 244/2022/DS-PT ngày 23/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc:

- Áp dụng khoản 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh P, bà P1 và anh K1, Bản án dân sự sơ

thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (trừ phần án phí dân sự sơ thẩm) có hiệu lực pháp luật thi hành.

- Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, sửa 1 phần Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng dân sự sơ thẩm về tư cách người tham gia tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm

Bản án: số 759/2022/DS-PT ngày 14/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu L1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (do người đại diện theo ủy quyền của bà L1 là ông Nguyễn Trung Kh thực hiện); chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Q (do người đại diện theo ủy quyền của ông Q là đồng nguyên đơn bà Hồ Thị Thu L thực hiện); sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 384/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 758 ngày 11/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Thông tin về vụ/việc: nguyên đơn bà Trần Thị Minh Ph, ông Trần Đình Kh, ông Trần Đình L, ông Trần Đình Th khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà; tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy Quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức” với bị đơn ông Trần M, bà Trần Thị Thanh M.

Bản án: số 242/2022/DS - PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T và sửa bản án sơ thẩm.

Bản án: số 760 ngày 14/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Thông tin về vụ/việc: y án sơ thẩm

Bản án: số 785/2022/DS-PT ngày 29/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc: Hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Bản án: số 757 ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: anh Trần Văn B khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị M, anh Trần Văn Ph, chị Đinh Thị H giao trả diện tích 5.600m² thuộc một phần thửa 138, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã A1, huyện Th (qua đo đạc thực tế có diện

tích 5.286m² đất, cụ thể như sau: thửa 18G, diện tích 4.190,5m²; thửa 18P, diện tích 10,3m²; thửa 22A, diện tích 310m²; thửa 22B, 18L, 18N, 18K diện tích 229,6m²; thửa 180, diện tích 161,2m²; thửa 22, diện tích 384,4m², tờ bản đồ số 4).

Bản án: số 756 ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: ông Lê Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy đối với: - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 756 ngày 08/3/2017 tại Văn phòng Công chứng M giữa vợ chồng ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H với bà Phạm Thị Lệ D đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 5, xã L, thành phố T, tỉnh Long An. - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 757 ngày 08/3/2017 tại Văn phòng Công chứng M giữa vợ chồng bà Phạm Thị Lệ D, ông Phan Văn T với ông Lê Văn S đối với thửa đất số 451, tờ bản đồ số 5, xã L, thành phố T, tỉnh Long An. - Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2143 ngày 03/6/2017 tại Văn phòng Công chứng M giữa vợ chồng bà Phạm Thị Lệ D, ông Phan Văn T với Phan Thị Thùy Tr đối với thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 5, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

Bản án: số 778 ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà H1 phải trả lại cho ông bà diện tích đất theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 14/01/2022 diện tích đất các bên tranh chấp là 1.136,2m², trong đó có 60,9m² thuộc một phần thửa 656 tờ bản đồ 304B.

Bản án: số 769 ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: ông Tr, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Tuyên bố các hợp đồng vô hiệu gồm: Hợp đồng ủy quyền số 48725 ngày 10/12/2014; Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 52338 lập ngày 31/12/2014, với giá trị chuyển nhượng là 700.000.000đ, hai hợp đồng đều được lập tại phòng Công Chứng số 4. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5968 lập ngày 22/2 và 22/3/2016, tại Văn phòng Công chứng S, giá trị hợp đồng là 9.500.000.000đ. Hủy bỏ việc cập nhật biến động sang tên người sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn Q; ông Kiều Minh Đ trong GCNQSDĐ số BR 560117 do UBND Quận 9 cấp ngày 20/01/2014, cho bà Phan Tú H. Buộc ông Đ trả lại GCNQSDĐ này cho bên nguyên đơn để liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin xác lập lại quyền sử dụng đất nêu trên. Nay biết được bà Nguyễn Thị Hoài Nh1 là người đang giữ bản chính GCNQSDĐ, nên bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nh và ông Đ trả lại GCNQSDĐ cho bên nguyên đơn.

Bản án: số 763 ngày 16/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Ông yêu cầu được chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại đối với các phần đất theo quy định của pháp luật, ông yêu cầu được nhận đất để sử dụng và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 đều cấp cho ông B1.

Bản án: số 766 ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc: bà Ph khởi kiện yêu cầu bà Th, ông L và những người đang ở trong phần diện tích nhà đất 9,3m² di dời đến nơi khác ở và phải giao trả lại cho nguyên đơn phần nhà nhỏ thuộc căn nhà số 524/4 đường Đường H, Phường 9, Quận 8 có diện tích đất 9,3m², hiện trạng bên trên tường gạch, gác gỗ, mái tole (Theo bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay phần nhà bà Th đang ở có diện tích đất 10,8m² bao gồm cả diện tích được công nhận, hiện trạng bên trên tường gạch, gác gỗ, mái tole). Thời hạn giao nhà: 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản án: số 765/2022/DS-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Y án sơ thẩm

Bản án: số 761 ngày 15/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà

Thông tin về vụ/việc: Công ty L yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, số công chứng 014380 giữa ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Tu M1, bà Phạm Thị H.

Bản án: số 744/2022/DS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 332/2022/DS-PT ngày 09/11/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai về đòi đất cho mượn, cho sử dụng nhờ, lấn chiếm...

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

4.3. Lĩnh vực Hình sự: 41 bản án

Bản án: số 901/2022/HS-PT ngày 13/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đào Thị L - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bị cáo kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 927 ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Hoài N - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Do nghi ngờ bị hại Nguyễn Thị Trung H lấy tiền nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30/7/2020, tại phòng 21 lầu 3, khách sạn H, đường H1, khu phố 7, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi dùng khúc gỗ tròn (chiều dài 68cm, kích thước thân 5x4cm) đánh nhiều cái vào tay, chân và lưng của bị hại dẫn đến tử vong.

Bản án: số 890 ngày 08/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lê Duy L - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vào lúc 22 giờ ngày 15/8/2020, tại ấp H1, xã T7, huyện T5, tỉnh Đồng Tháp, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Công an huyện T5 và Công an xã T7 tiến hành chốt chặn, kiểm tra xe ô tô hiệu FORTUNER, biển số 66A - 058.83 do Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1990, ngụ khóm A, phường A1, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp điều khiển. Qua kiểm tra trên xe ô tô, lực lượng chức năng phát hiện 03 (ba) cái ba lô bên trong có chứa 41 (bốn mươi một) bọc nilon, nghi là chất ma túy nên lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn Th2.

Bản án: số 859/2022/HS-PT ngày 24/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Trung Q - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Bản án: số 874 ngày 29/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Lý Quán H bị xét xử về tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. 1. chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Quán H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần có kháng cáo. 2. Tuyên bố bị cáo Lý Quán H phạm tội “Giết người”. 3. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lý Quán H 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2021. 4. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lý Quán H để bảo đảm thi hành án. 5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lý Quán H phải chịu 200.000 đồng. 6. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật. 7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 934 ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Lâm Quế M bị xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: 1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 635/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Lâm Quế M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". 2. Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 16/12/2022).

Bản án: số 798 ngày 11/11/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Phạm Thu D phạm tội lừa đảo - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Phạm Thu D phạm tội lừa đảo

Bản án: số 889 ngày 08/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Lâm Triệu T - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên án sơ thẩm.

Bản án: số 498/2022/HS-PT ngày 28/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Hùng C - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Văn K, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lê Hùng C. - Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Hùng C 7 (bảy) năm tù về tội "Giết người". - Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Hùng C 09 (Chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Áp dụng: Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Lê Hùng C phải chấp hành chung hình phạt của hai tội là 7 (bảy) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/6/2021.

Bản án: số 809/2022/HS-PT ngày 14/11/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Nông Thị B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Nông Thị B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Bản án: số 499/2022/HS-PT ngày 28/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Tô Trọng T - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tiến T và bà Trương Thị Hồng T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 492/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn D - phạm tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (điều 190 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 497/2022/HS-PT ngày 28/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Ao Công Hoài N - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ao Công Hoài N về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án: số 491/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Rơ Lan Si M và các bị cáo khác - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ksor T, Rơ Lan S và Rơ Lan Si M về việc xin giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HSST-CTN ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 481/2022/HS-PT ngày 24/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hà Văn T và đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Văn V và Hà Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 464/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Chấp nhận kháng của bị cáo Đặng Hoài P; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh D, sửa bản án sơ thẩm - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng của bị cáo Đặng Hoài P; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh D, sửa bản án sơ thẩm

Bản án: số 482/2022/HS-PT ngày 24/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trịnh Thị Thanh T và Võ Trần Anh M - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: 1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trịnh Thị Thanh T; Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với bị cáo Trịnh Thị Thanh T có hiệu lực pháp luật. 2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Trần Anh M sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

Bản án: số 463/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Trọng C - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C và sửa bản án sơ thẩm

Bản án: số 462/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trịnh Minh C và đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Minh C, Cam Chí H, Nguyễn Văn Bảo Q, Phạm Công L, Hoàng Anh D và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 458/2022/HS-PT ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Ngô Thuận H - phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy (điều 249 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận phần nội dung kháng nghị đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, giữ nguyên Quyết định về tội danh và hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh T. Chấp nhận phần nội dung kháng nghị đối với bị cáo Ngô Thuận H, hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Ngô Thuận H.

Bản án: số 494/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phạm Bá N - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Bá N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 54/2022/HS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Bản án: số 470/2022/HS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phạm Chí T - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Chí T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bản án: số 471/2022/HS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Sỹ T và đồng phạm - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 322 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Sỹ T, Võ Sỹ Q, Nguyễn Văn G, Lê Văn L, Phạm Văn T1 và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 89/2022/HS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bản án: số 484/2022/HS-PT ngày 24/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hà Hoàng S - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hà Hoàng S. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2022/HS-ST ngày 23-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 459/2022/HS-PT ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

La Xuân T - phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo La Xuân T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS - ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về tội danh và hình phạt đối với bị cáo La Xuân T. Chấp nhận kháng nghị số 13/QĐ - VC2 Ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các ông, bà: Nguyễn Quốc H5, Nguyễn Thị Đ; Phạm Văn H4, Hà Thị Q2; Lê Thanh N1; Nguyễn Thanh L5, Phạm Thị Thanh H9; Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Thị Q4; Nguyễn Thị Thu H7; Võ Thành Đ, Hoàng Thị D; Võ Thị H6; Hồ Thị Việt H8; Phạm Anh T2, Hoàng Thị L4. Huỷ một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS – ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về những nội dung của Quyết định như sau, để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng với quy định của pháp luật

Bản án: số 489/2022/HSPT ngày 25/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Văn T và đồng phạm - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân T1, Nguyễn Thị P L, Nguyễn Trần A T2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn P và sửa bản án sơ thẩm

Bản án: số 468/2022/HS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn N - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; Sửa án sơ thẩm

Bản án: số 469/2022/HS-PT ngày 22/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hồ Viết An N - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Viết An N; y án sơ thẩm

Bản án: số 467/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lương Văn H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lương Văn H. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 29 - 8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 466/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Bùi Văn H - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 81/2022/HS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 835 ngày 14/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Phú Cường - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 465/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đồng Văn H và Phạm Văn H1 - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 7 Điều 157, khoản 2 Điều 359 BLTTHS Huỷ một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 80 /2022/ HS-ST ngày 30 / 8 /2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đồng văn H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H1. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/ HS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 460/2022/HS-PT ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Thị Kim K - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim K; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. 1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim K tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/5/2021.

Bản án: số 461/2022/HS-PT ngày 18/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hoàng Mạnh C - phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hoàng Mạnh C; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022

của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. 1. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh C 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 16/9/2020.

Bản án: số 858 ngày 24/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Ngô Văn T - phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông Quyết định : Tuyên bố Ngô Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bản án: số 879/2022/HS-PT ngày 30/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Mai Hoàng L đp - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng VKSND CC3, sửa Bản án sơ thẩm

Bản án: số 878/2022/HS-PT ngày 30/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Thanh H đp - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 848/2022/HS-PT ngày 21/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Hữu N - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Bản án: số 830 ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Anh Tuấn cùng đồng phạm - phạm tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (điều 169 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: y án sơ thẩm

Bản án: số 420/2022/HS-PT ngày 19/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Gia Anh D - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Bản án: số Bản án số 523/2021/HS-PT ngày 23/11/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Đào Thị Hồng N 21 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn - phạm tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (điều 203 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Đào Thị Hồng N 21 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn

4.4. Lĩnh vực Hôn nhân và gia đình: 01 bản án

Bản án: số 16 ngày 10/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn

Thông tin về vụ/việc: Ông Vương Tấn B và bà Trương Kim C quen biết, tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, bị ai ép buộc. Hai người chung sống từ năm 1980, đến năm 1983 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy công nhận kết hôn số 258, quyển số 01, ngày 25/4/1983. Từ khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 1998 thì xảy ra mâu thuẫn và còn chung sống cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích của hôn thê đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Kim C.

4.5. Lĩnh vực Kinh doanh thương mại: 03 bản án

Bản án: số 30/2022/KDTM-PT ngày 25/11/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa công ty với các thành viên công ty...

Thông tin về vụ/việc: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồ Việt L đối với giám đốc Công ty là ông Lê Đình T và Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt X về sao chụp hồ sơ; hủy Biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty ngày 26-7-2021; hủy Nghị quyết 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29-7-2021 và buộc ông Lê Đình T bồi thường thiệt hại cho Công ty. 2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Hồ Việt L phải chịu là 2.000.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0000140 ngày 12/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 76 ngày 16/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về mua bán cổ phiếu, trái phiếu...

Thông tin về vụ/việc: Hủy án sơ thẩm.

Bản án: số 77 ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về mua bán hàng hóa.

Thông tin về vụ/việc: V cho rằng Văn phòng điều hành của S tại Việt Nam có tư cách pháp nhân để ký kết với V nên yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với: 1/. Thư chấp thuận số SSY-RP-SUB-LOA-004 ngày 14/01/2012; 2/. Thư bảo lãnh số VHC-GL01 ngày 24/5/2012; 3/. Thư bảo lãnh thanh toán số VHC-GL02 ngày 18/7/2012; 4/. Thư bảo lãnh số VHC-GL03 ngày 10/9/2012. Yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu: Yêu cầu S hoàn trả số tiền 18.283.175.612 (mười tám tỷ hai trăm tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm mười hai) đồng.